

Số: 274 /BC-SXD

Bắc Giang, ngày 22 tháng 10 năm 2015

**BÁO CÁO**  
**Tình hình thực hiện chỉ tiêu kinh tế - xã hội Quý 3 năm 2015**

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội năm 2015, căn cứ số liệu tổng hợp, báo cáo của UBND các huyện, thành phố Bắc Giang và Ban Quản lý các khu công nghiệp, Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện chỉ tiêu kinh tế - xã hội như sau:

*(Chi tiết có biểu đính kèm)*

Vậy, Sở Xây dựng đề nghị UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

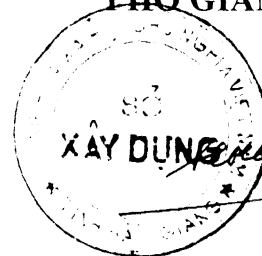
Nơi nhận: *DTC*

- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KT&VLXD.

**Bản điện tử:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (b/c).

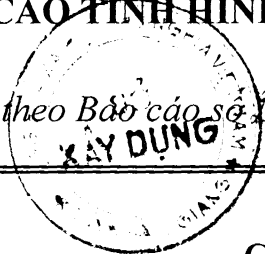
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



**Trịnh Quang Hưng**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI  
TỈNH BẮC GIANG**

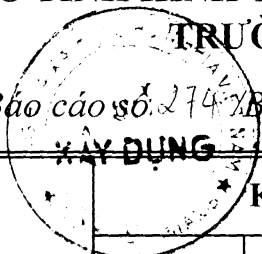
(Kèm theo Báo cáo số 174 /BC-SXD ngày 22/10/2015 của Sở Xây dựng)



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện (tính đến ngày 15/10/2015)
1	Tỷ lệ % diện tích cây xanh, mặt nước của đô thị	%	4,0
2	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch	%	80,76
3	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom	%	61,53
	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom	%	94,90
	Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn thu gom	%	47,43
4	Tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý hợp vệ sinh	%	82,46
	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị thu gom được xử lý hợp vệ sinh	%	91,45
	Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn thu gom được xử lý hợp vệ sinh	%	75,34
5	Tỷ lệ CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	22,22
6	Tỷ lệ KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	75,00

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CÁC HUYỆN**

*(Kèm theo Báo cáo số 274/BC-SXD ngày 22/10/2015 của Sở Xây dựng)*



STT	Huyện, thành phố	Đơn vị	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch	Kết quả thực hiện (tính đến ngày 15/10/2015)					
				Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom			Tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý hợp vệ sinh		
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
					Đô thị	Nông thôn		Đô thị	Nông thôn
1	TP. Bắc Giang	%	100	91,89	91,89		100	100	
2	Lục Ngạn	%	78,70	34,06	94,37	26,92	78,39	70,43	81,68
3	Lục Nam	%	91,29	41,84	96,94	31,11	61,80	71,27	56,06
4	Sơn Động	%	80,01	42,12	90,01	26,99	35,50	83,02	22,00
5	Yên Thế	%	76,00	45,13	80,72	40,85	86,56	71,54	90,12
6	Hiệp Hòa	%	68,15	52,12	90,93	47,00	81,95	50,45	89,99
7	Tân Yên	%	50,00	46,79	98,02	39,80	59,38	89,50	50,24
8	Việt Yên	%	22,00	89,74	100,00	87,99	81,58	100,00	78,00



Kết quả thực hiện (tính đến ngày 15/10/2015)									
STT	Huyện, thành phố	Đơn vị	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom			Tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý hợp vệ sinh		
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
					Đô thị	Nông thôn		Đô thị	Nông thôn
9	Yên Dũng	%	52,00	66,27	97,04	55,01	89,37	87,02	90,89
10	Lạng Giang	%	14,74	57,82	90,75	50,70	88,25	83,78	89,98

**Ghi chú:**

Riêng đối với thành phố Bắc Giang:

- Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom bình quân tính cho toàn thành phố là 92%.

Trong đó:

+ Tỷ lệ chất thải rắn nội thành được thu gom là: 95%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn nông thôn (ngoại thành) được thu gom là: 75%.

- Tỷ lệ chất thải rắn đô thị thu gom được xử lý hợp vệ sinh tính cho toàn thành phố là 100%. Trong đó:

+ Tỷ lệ chất thải rắn nội thành thu gom được xử lý hợp vệ sinh là: 100%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn nông thôn (ngoại thành) thu gom được xử lý hợp vệ sinh là: 100%.